

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-11-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Xuyên

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Kh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/9/2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2-xã P - huyện C - tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T - sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khu 7-xã N - huyện C - tỉnh Phú Thọ

Hiện nay đang ở: Khu 2-xã P - huyện C - tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 04/5/2011, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ chị ở xã P, huyện C. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu say, hay chửi bới, xúc phạm chị, có lần còn đánh chị. Tuy đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn, anh T không thay đổi. Vợ chồng nhiều năm sống lạnh nhạt, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị đã nhiều lần đề cập đến việc ly hôn nhưng anh T đã hứa thay đổi, nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Ngày 20/12/2017 chị cũng đã làm đơn gửi Tòa án, sau khi hòa giải anh T cũng cam đoan sẽ thay đổi nên chị đã xin rút đơn, nhưng anh T đã không thực hiện như đã cam đoan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Bị đơn anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như lời trình bày của chị T. Còn về mâu thuẫn vợ chồng chỉ làm mâu thuẫn nhỏ, anh không phải là người hay uống rượu say về chửi bới, xúc phạm, đánh chị T như chị T trình bày. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 tháng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn quan điểm của anh đồng ý ly hôn, vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn.

- *Về con chung*: Hai bên thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng H - sinh ngày 23/7/2012 hiện nay đang ở với vợ chồng. Ly hôn hai bên đều xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Chị T trình bày hiện đang làm việc tại Bệnh viện H thu nhập bình quân khoảng hơn 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng, chị vẫn ở nhà bố mẹ đẻ, chị nuôi con có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ.

Anh T trình bày hiện đang là giáo viên Trường THCS T thu nhập bình quân 8.155.000đ (Tám triệu một trăm lăm mươi lăm nghìn đồng)/tháng, anh sẽ về ở khu 7, xã N ở với bố mẹ đẻ anh.

+Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải và tại phiên tòa hai bên thuận tình ly hôn, nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm tranh chấp về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 55; Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng H - sinh ngày 23/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 11/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh T ở xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Chị T yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T, anh T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm không kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, sau khi kết hôn ngày 04/5/2011 được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi chửi nhau, chị T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu nên chửi bới, xúc phạm chị, có lần còn đánh chị. Còn anh T vợ chồng chỉ làm mâu thuẫn nhỏ, anh không phải là người hay uống rượu say về chửi, xúc phạm, đánh chị T như chị T trình bày. Nhưng đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, thể hiện tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận công nhận sự thuận tình ly hôn của hai người.

- Về con chung: Chị T, anh T có 01 con chung, nhưng cả hai đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh T đều có quyền và điều kiện để yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, do con chung và vợ chồng chị T, anh T vẫn sống với bố mẹ đẻ chị T ở xã P từ khi cháu sinh ra cho đến nay và việc nuôi dưỡng con của vợ chồng chị T, anh T phần lớn do bố mẹ chị T hỗ trợ. Qua xác minh ở địa phương xã P cho biết, vợ chồng chị T, anh T hàng ngày đi làm việc chăm sóc đưa đón cháu đi học chủ yếu do bố mẹ đẻ chị T phụ giúp,

bố mẹ đẻ chị T cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi con chung, ông bà vẫn sẽ hỗ trợ chị T trong việc nuôi dưỡng con và với thu nhập của chị T cũng đảm bảo điều kiện cho con chung và vì hiện nay cháu đang học lớp 1 cháu còn rất non nớt, nếu thay đổi môi trường sẽ hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu. Do vậy, nên giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, để đảm bảo cho ổn định môi trường sống của cháu không bị sáo động, sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nếu được nuôi con chung là tự nguyện nên cần ghi nhận. Còn về yêu cầu của anh T xin nuôi con là thực tâm, điều kiện kinh tế cũng đảm bảo, nhưng nếu anh T nuôi con chung sẽ thay đổi môi trường sống của con chung, không có lợi cho sự phát triển bình thường của con chung và việc anh T trình bày, nếu anh được nuôi con bố mẹ đẻ anh sẽ hỗ trợ, nhưng khi xác minh tại địa phương xã N nơi anh T đăng ký thường trú và nơi bố mẹ đẻ anh T ở thì được biết bố mẹ đẻ anh T đã già đều trên 70 tuổi, bố anh T là đối tượng khuyết tật, hưởng bảo trợ xã hội đi lại khó khăn phải có người giúp đỡ, còn nhà ở thì là nhà tạm vách đất và lợp lá cọ, như vậy sẽ không đảm bảo cho việc hỗ trợ anh T nuôi dưỡng con chung, nên không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, công sức, quyền nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Hoàng H - sinh ngày 23/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày 13/11/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu;

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008241 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Phương Xá;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Ngọc Dũng